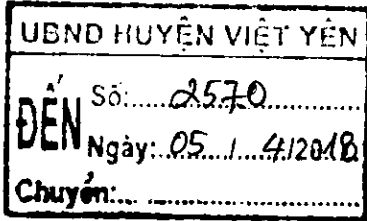


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 198 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang vùng
tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính Phủ về việc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 82/BC-SXD ngày 28/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 (bao gồm thuyết minh và bản vẽ), với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu quy hoạch

a) *Phạm vi nghiên cứu:* Bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích tự nhiên là 3.895,48 km². Phạm vi lập quy hoạch nghĩa

trang cho 10 đơn vị hành chính, gồm thành phố Bắc Giang và 9 huyện.

b) *Đối tượng nghiên cứu quy hoạch*: Hệ thống nghĩa trang nhân dân, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, trong đó tập trung vào:

- Hệ thống nghĩa trang nhân dân tập trung cấp I, II, III, IV;
- Hệ thống nghĩa trang tập trung, phục vụ khu vực nông thôn.

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa định hướng xây dựng nghĩa trang tỉnh Bắc Giang trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

- Nhằm từng bước đưa việc sử dụng hình thức táng văn minh, hiện đại trở thành hình thức táng phổ biến của người dân, nhằm tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ môi trường;

- Thay đổi nhận thức của người dân, đáp ứng nhu cầu táng trong toàn tỉnh trong thời gian ngắn hạn và dài hạn, đồng thời phù hợp với lộ trình đóng cửa, di dời các nghĩa trang hiện hữu;

- Đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, là cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.

3. Nội dung quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

a) *Dự báo nhu cầu táng, tỷ lệ hình thức táng, đất xây dựng nghĩa trang*

- Nhu cầu táng theo từng giai đoạn (2020, 2025 và đến 2030) được dự báo như sau:

TT	Khu vực	Dự báo số người tử vong qua các giai đoạn (người)			Số người tử vong giai đoạn 2018-2030
		Giai đoạn 2018 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	
1	Đô thị	12.450	25.236	32.832	70.518
2	Nông thôn	20.576	35.597	35.904	92.077
	Toàn tỉnh	33.026	60.833	68.736	162.595

- Tỷ lệ các hình thức táng theo từng giai đoạn đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030 dự báo theo bảng sau:

TT	Hình thức táng	Đơn vị tính	Năm 2017	GD đến 2020	GD 2021-2025	GD 2026-2030
1	Thành phố Bắc Giang					
A	<i>Khu vực nội thị</i>					
1.1	Chôn có cải táng + chôn 1 lần	%	15	10	5	0
1.2	Tỷ lệ chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	5	7	7	7
1.3	Chôn sau hỏa táng, cát táng	%	80	83	88	93
B	<i>Khu vực ngoại thị</i>					
1.1	Chôn có cải táng + chôn 1 lần	%	77	70	65	45
1.2	Tỷ lệ chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	3	5	5	5
1.3	Chôn sau hỏa táng, cát táng	%	20	25	30	50
1.4	Tỷ lệ tử vong toàn thành phố	‰	6,1	6	5,9	5,8
1.5	Hệ số chết đột biến toàn thành phố	%		1,1	1,1	1,1
2	Các huyện vùng trung du, miền núi (Các huyện Việt Yên, Hiệp Hòa, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Lạng Giang)					
2.1	Chôn có cải táng + chôn 1 lần	%	87	80	70	55
2.2	Tỷ lệ chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	3	5	5	5
2.3	Chôn sau hỏa táng, cát táng	%	10	15	25	40
2.4	Tỷ lệ tử vong	‰	5,4	5,3	5,3	5,2
2.5	Hệ số chết đột biến	%		1,1	1,1	1,1
3	Huyện miền núi Sơn Động, Lục Ngạn					
3.1	Chôn có cải táng + chôn 1 lần	%	98	87	77	67
3.2	Tỷ lệ chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	2	3	3	3
3.3	Chôn sau hỏa táng, cát táng	%	0	10	20	30
3.4	Tỷ lệ tử vong	‰	5,3	5,2	5,2	5,2
3.5	Hệ số chết đột biến	%		1,1	1,1	1,1

b) Dự báo nhu cầu đất xây dựng nghĩa trang

TT	Khu vực	Nhu cầu đất nghĩa trang qua các giai đoạn (ha)			Nhu cầu đất nghĩa trang giai đoạn 2018-2030
		Giai đoạn 2018 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	
1	Đô thị	16,4	20,7	32,2	69,3
2	Nông thôn	19,4	32,2	26	77,6
	Toàn tỉnh	27,1	43	41,3	146,9

c) Quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

c.1) Quy hoạch nghĩa trang

Đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang dự kiến xây dựng mới, cải tạo và mở rộng 32 nghĩa trang nhân dân tập trung (trong đó có xây dựng mới 2 nghĩa trang cấp I, 1 nghĩa trang cấp II và 2 nghĩa trang cấp III; xây dựng mới, cải tạo và mở rộng 27 nghĩa trang cấp IV) phục vụ liên huyện, liên đô thị, cụm xã nông thôn và vùng phụ cận. Tổng diện tích quy hoạch đất nghĩa trang là 419,7 ha (trong đó có 24,7 ha đất nghĩa trang hiện hữu, 323 ha đất nghĩa trang xây dựng mới và 72 ha đất nghĩa trang cải tạo, mở rộng), cụ thể như sau:

- *Nghĩa trang cấp I*: Xây dựng mới 2 nghĩa trang (Công viên nghĩa trang tại xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, huyện Lục Nam và nghĩa trang Tiến Thắng tại khu vực hồ Cầu Rễ thuộc thôn Tiên Trung, Hồ Luông, xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế) phục vụ liên huyện, liên đô thị và vùng phụ cận. Tổng diện tích quy hoạch đất nghĩa trang cấp I là 220 ha;

- *Nghĩa trang cấp II*: Xây dựng mới công viên nghĩa trang xã Hương Sơn (thôn Khuôn Giàn, Hồ Cao), huyện Lạng Giang. Diện tích quy hoạch đất nghĩa trang là 60 ha;

- *Nghĩa trang cấp III*: Cải tạo mở rộng nghĩa trang Tân Tiến, thành phố Bắc Giang; xây dựng mới nghĩa trang Quý Sơn, huyện Lục Ngạn. Tổng diện tích quy hoạch đất nghĩa trang cấp III là 40 ha;

- *Nghĩa trang cấp IV*: Đầu tư xây dựng 27 nghĩa trang tập trung cấp huyện (trong đó xây dựng mới 7 nghĩa trang và cải tạo mở rộng 20 nghĩa trang), Tổng diện tích quy hoạch đất nghĩa trang là 104,7 ha (trong đó 22,5 ha đất nghĩa trang hiện có và 82,2 ha đất nghĩa trang cải tạo, mở rộng và xây dựng mới):

+ Thành phố Bắc Giang: Tiếp tục cải tạo, mở rộng nghĩa trang với diện tích 7 ha (phường Thọ Xương, phường Đa Mai, xã Song Khê). Nghĩa trang tập trung tại các phường, xã sẽ tiếp tục sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu an táng của người dân thành phố trong giai đoạn ngắn hạn và di dời mộ trong việc thực hiện các dự án đầu tư đến khi hết diện tích sẽ đóng cửa, hình thành các nghĩa trang cây xanh trong đô thị;

+ Huyện Hiệp Hòa: Tổng diện tích quy hoạch 13 ha, trong đó: Xây dựng mới 1 nghĩa trang tại khu vực phía Đông thị trấn Thắng tại cánh đồng Nam Cam xã Ngọc Sơn; Mở rộng 3 nghĩa trang hiện có (NTND phía Nam thị trấn Thắng mở rộng NTND tại xã Châu Minh; NTND phía Tây thị trấn Thắng tại xã Quang Minh và NTND phía Bắc thị trấn Thắng tại xã Hoàng Vân);

+ Huyện Việt Yên: Tổng diện tích quy hoạch 7,2 ha, trong đó: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang tại thôn Đông thị trấn Bích Động, tiếp tục sử dụng nghĩa trang đã cải tạo, mở rộng tại thị trấn Nénh;

+ Huyện Tân Yên: Tổng diện tích quy hoạch 9,6 ha, trong đó: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang tại thôn Trán Sơn, xã Liên Sơn; cải tạo mở rộng 3 nghĩa trang Đồi Cảnh Sung, thôn Tiến Trại, xã Nhã Nam; nghĩa trang tại thôn Đồi Mạ, xã Ngọc Thiện và nghĩa trang tại thôn Kim Tràng, xã Việt Lập;

+ Huyện Yên Dũng: Tổng diện tích quy hoạch 8,0 ha, trong đó: Cải tạo

nghĩa trang tiểu khu 2, 3, thị trấn Neo; xây dựng mới nghĩa trang tại thôn Đông Hương, xã Nham Sơn;

+ Huyện Lạng Giang: Tổng diện tích quy hoạch 8,5 ha, trong đó: Mở rộng nghĩa trang Bờ Đầm thị trấn Vôi và nghĩa trang tại khu Cầu Đá, xã Hương Sơn phục vụ thị trấn Vôi, thị trấn Kép và các xã phụ cận huyện Lạng Giang;

+ Huyện Lục Nam: Tổng diện tích quy hoạch 7,5 ha, trong đó mở rộng nghĩa trang thị trấn Đồi Ngô tại khu Cây Cao; nghĩa trang thị trấn Lục Nam tại khu Bãi Chùa Vát và tiếp tục sử dụng nghĩa trang xã Phương Sơn tại làng Sần đã cải tạo từ giai đoạn trước;

+ Huyện Yên Thế: Tổng diện tích quy hoạch 12,9 ha, trong đó: Mở rộng nghĩa trang thị trấn Cầu Gồ tại khu Đồng Ngoi và xây dựng mới nghĩa trang thị trấn Bồ Hạ tại bản Thái Hà, xã Đồng Hưu;

+ Huyện Lục Ngạn: Tổng diện tích quy hoạch 10,7 ha, trong đó: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang Biền Động tại thôn Thùng Thịnh, xây dựng mới nghĩa trang Tân Sơn;

+ Huyện Sơn Động: Tổng diện tích quy hoạch 12,3 ha, trong đó: Cải tạo, mở rộng 3 nghĩa trang (NTND thị trấn An Châu tại thôn Cại, xã An Lập; NTND Long Sơn tại thôn Tầu, xã Long Sơn và NTND thị trấn Thanh Sơn tại thôn Đồng Thanh, thị trấn Thanh Sơn).

- *Nghĩa trang khu vực nông thôn*: Thực hiện xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt, cụ thể đến năm 2030 sẽ cải tạo, mở rộng và xây dựng mới 484 nghĩa trang. Tổng hợp diện tích đất quy hoạch nghĩa trang là 569,6 ha (trong đó 294,6 ha đất nghĩa trang hiện có; 210 ha đất nghĩa trang cải tạo, mở rộng; 65 ha đất nghĩa trang xây dựng mới). Đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, lưu tro tại các khu vực tôn giáo phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

c.2) Quy hoạch cơ sở hỏa táng

Đến năm 2030 tỉnh Bắc Giang đầu tư xây dựng từ 1 đến 3 cơ sở hỏa táng tập trung đặt tại công viên nghĩa trang cấp I (xã Tiên Thắng, huyện Yên Thế), cấp II (xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang), cấp IV (nghĩa trang Đông Hương, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng) với diện tích khoảng 1,0 ha, phục vụ nhu cầu hỏa táng của nhân dân trong tỉnh.

c.3) Quy hoạch mạng lưới nhà tang lễ

Đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang sẽ xây dựng mới 8 nhà tang lễ, cụ thể:

- *Giai đoạn đến năm 2020 đầu tư xây dựng mới 02 nhà tang lễ gồm:*

+ Nhà tang lễ đặt tại xã Tân Mỹ (khu vực bệnh viện Ung bướu); quy mô khoảng 0,4 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ dân cư các phường nội thị, các xã phía Đông thành phố Bắc Giang và các khu vực khác;

+ Nhà tang lễ tại công viên nghĩa trang tại xã Nghĩa Phương, Cương Sơn, huyện Lục Nam. Quy mô nhà tang lễ 1 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ người

dân toàn tỉnh.

- *Giai đoạn 2021-2025 xây dựng mới 4 nhà tang lễ gồm:*

+ Nhà tang lễ thành phố Bắc Giang, đặt tại xã Hương Gián (trên tuyến đường Tây Yên Tử), phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ của người dân trên địa bàn thành phố Bắc Giang, diện tích 1,0 ha;

+ Nhà tang lễ đô thị Chũ, huyện Lục Ngạn, đặt cạnh Bệnh viện đa khoa khu vực Lục Ngạn thuộc xã Nghĩa Hồ, diện tích khoảng 0,5 ha;

+ Nhà tang lễ thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa tại khu vực phía Đông Bắc thị trấn trên đường đi nghĩa trang, diện tích khoảng 0,5 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ cho dân dân thị trấn Thắng và vùng phụ cận;

+ Nhà tang lễ tại đô thị Bích Động, đặt cạnh Bệnh viện đa khoa huyện Việt Yên. Quy mô nhà tang lễ 0,35 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ người dân đô thị Bích Động.

- *Giai đoạn 2026-2030 xây dựng mới 2 nhà tang lễ gồm:*

+ Nhà tang lễ thị trấn Neo, huyện Yên Dũng đặt cạnh nghĩa trang hiện có thuộc tiểu khu 4, 5 trên tuyến ĐT398, diện tích khoảng 0,3 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ người dân TT. Neo, TT. Tân Dân và các xã thuộc huyện Yên Dũng;

+ Nhà tang lễ thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang đặt tại phía Đông thị trấn Vôi, diện tích khoảng 0,3 ha, phục vụ nhu cầu tổ chức tang lễ người dân cư thị trấn Vôi, các xã lân cận.

d) Đóng cửa, di dời nghĩa trang hiện hữu

- Nghĩa trang hiện hữu nằm trong các phường nội thị, khu vực phát triển đô thị sẽ không mở rộng, khi không còn diện tích sử dụng phải tiến hành đóng cửa hình thành các nghĩa trang cây xanh trong khu vực đô thị như: nghĩa trang Tân An, nghĩa trang phường Mỹ Độ, thị trấn Bồ Hạ, nghĩa trang tổ dân phố 1, 2 thị trấn Bích Động... Quá trình đóng cửa phải thực hiện đầy đủ các nội dung nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng;

- Hoàn thành di dời đối với các nghĩa trang hiện hữu khi gây ô nhiễm môi trường, không có khả năng khắc phục, ảnh hưởng đến môi trường sống của cộng đồng; khu vực có vị trí thuộc phạm vi thực hiện dự án phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ; không phù hợp với quy hoạch xây dựng, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: các nghĩa trang nhỏ lẻ ở xã Tân Tiến, Đình Ké, Đình Trì, Xương Giang, Đồng Sơn, Song Khê, Mỹ Độ thuộc khu phía Nam, phía Tây của TP Bắc Giang.

4. Khái toán kinh phí và nguồn vốn đầu tư

a) Khái toán kinh phí đầu tư

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ và di dời mộ cát táng đến năm 2030 khoảng 1.896 tỷ đồng, trong đó:

- + Xây dựng mới, mở rộng nghĩa trang và nhà hỏa táng: 1.655 tỷ đồng;
- + Chi phí thực hiện di dời mộ: 75,9 tỷ đồng;
- + Chi phí xây dựng mới nhà tang lễ: 165 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư

Tỷ lệ nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ và di dời mộ cát táng đến năm 2030, cụ thể như sau:

- + Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương và tỉnh chiếm khoảng 10%;
- + Vốn đầu tư từ ngân sách huyện, thành phố chiếm khoảng 20%;
- + Vốn khác (PPP, xã hội hóa...) chiếm khoảng 70%.

5. Các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

a) Công tác quản lý Nhà nước

- Xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang trên địa bàn toàn tỉnh nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này;

- Nhà nước quản lý nghĩa trang do nhà nước đầu tư từ ngân sách nhà nước; tư nhân quản lý nghĩa trang do mình đầu tư;

- Tăng cường công tác tuyên truyền các cơ chế chính sách pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng;

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất cấp xã, huyện, tỉnh để bổ sung vào quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn.

b) Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Từng bước thay đổi hình thức táng truyền thống sang hình thức hỏa táng, tổ chức lễ tang văn minh;

- Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ, đảm bảo vệ sinh môi trường và an ninh trật tự;

- Xây dựng nội quy, quy định quản lý đối với từng nghĩa trang, có chế tài cụ thể trong công tác quản lý, giám sát các tác động môi trường;

- Đóng cửa, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, phân tán trong đô thị, cải tạo và khai thác sử dụng có hiệu quả quỹ đất nghĩa trang sau khi di dời;

- Khuyến khích các cơ sở tôn giáo đầu tư nhà tang lễ, tháp để tro cốt, nghĩa trang riêng để thực hiện các hình thức táng phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật.

c) Giải pháp huy động vốn đầu tư

Xây dựng cơ chế, chính sách để hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

d) Giải pháp về tuyên truyền:

- UBND các cấp phối hợp với các cơ quan đoàn thể tuyên truyền sâu rộng tới các tổ chức, cá nhân liên quan, nhất là nhân dân các địa phương nơi dự kiến quy hoạch bố trí các nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng để mọi người biết, hiểu và thực hiện đúng quy hoạch;

- Khuyến khích nhân dân tham gia di dời mồ mả đơn lẻ trong các khu dân cư, trong diện tích đất canh tác vào nghĩa trang được quy hoạch; vận động nhân dân chôn cất phù hợp với phong tục tập quán, đảm bảo vệ sinh môi trường;

- Nâng cao nhận thức về quyền lợi, nghĩa vụ của nhân dân trong sử dụng nghĩa trang như đóng các loại phí, lệ phí theo quy định khi có nhu cầu khai thác đất nghĩa trang...;

- Giới thiệu những hình thức mai táng theo công nghệ mới như hỏa táng để người dân làm quen tiến tới áp dụng trong các khu nghĩa trang tập trung.

6. Tổ chức thực hiện quy hoạch

a) Sở Xây dựng

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng; chỉ đạo thực hiện quy định pháp luật về hoạt động quy hoạch xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đóng cửa, giao đơn vị quản lý, phê duyệt quy chế quản lý nghĩa trang cấp I và nghĩa trang trên địa bàn từ 2 huyện trở lên được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước;

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc tuân thủ các quy định về hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

- Thẩm định quy hoạch xây dựng các nghĩa trang tập trung thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

- Hướng dẫn UBND cấp huyện, xã tổ chức lập quy hoạch xây dựng nghĩa trang, kế hoạch xây dựng, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh và thực hiện việc giao đất, cho thuê đất nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy định;

- Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

- Giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tuân thủ các quy định về đất đai, môi trường đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới dự án nghĩa trang cấp I, cấp II và hỗ trợ nguồn vốn xây dựng mới, nâng cấp cải tạo, di chuyển, mở rộng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn nhà nước;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng không sử dụng nguồn vốn nhà nước (nguồn vốn xã hội hoá) cho phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và quy định của pháp luật;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng theo quy định;

- Xây dựng cơ chế chính sách để hỗ trợ các nhà đầu tư đầu tư vào nghĩa trang cấp I, cấp II.

d) Sở Tài chính:

- Tổ chức thẩm định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn nhà nước;

- Tham gia góp ý giá dịch vụ nghĩa trang, giá dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân đối với các dự án nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn khác trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận;

- Chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan kiểm tra, thanh tra việc niêm yết công khai giá dịch vụ nghĩa trang, giá dịch vụ hỏa táng và giá chuyển nhượng quyền sử dụng phần mộ cá nhân; thu phí, lệ phí và các khoản tiền khác liên quan đến dịch vụ nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công nghệ hỏa táng của các cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh;

- Tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tiếp cận các ứng dụng công nghệ mới về công tác xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

e) Sở Y tế: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh phòng dịch bệnh theo quy định pháp luật hiện hành đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

g) Sở Thông tin Truyền thông, Báo Bắc Giang, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh:

Trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện quy hoạch và các quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh để từng bước tạo lập thói quen táng văn minh, hiện đại và phù

hợp với phong tục, tập quán, nét đẹp và truyền thống văn hóa của địa phương.

h) Các sở, ngành chức năng khác của tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các nhiệm vụ liên quan về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn.

i) Ủy ban nhân dân các các huyện, thành phố:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn. Chỉ đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tuân thủ các quy định về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đối với các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn;

- Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng và lộ trình đóng cửa, di chuyển nghĩa trang và phần mộ riêng lẻ trên địa bàn huyện, thành phố theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. Đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị quản lý nghĩa trang thực hiện các thủ tục và biện pháp bảo vệ môi trường;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án theo quy hoạch.

k) UBND cấp xã:

- Thực hiện các nội dung được phân công, phân cấp quản lý quy hoạch trên địa bàn;

- Tổ chức tìm hiểu, xác định thông tin về thân nhân đối với các phần mộ lẻ không rõ nhân thân trước khi di chuyển;

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng cho nhân dân trên địa bàn;

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân táng người chết vào các nghĩa trang đã được xây dựng và quản lý theo quy hoạch;

- Kiểm tra và báo cáo kịp thời với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện việc các tổ chức, cá nhân táng người chết ngoài các nghĩa trang đã được xây dựng và quản lý theo quy hoạch để có biện pháp xử lý;

- Báo cáo về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ hàng năm về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn.

7. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 82/BC-SXD ngày 28 tháng 3 năm 2018 và hồ sơ Đồ án quy hoạch đã thẩm định.

Điều 2. Sở Xây dựng tổ chức công bố Đồ án quy hoạch; UBND các huyện và thành phố Bắc Giang tiếp tục tổ chức công bố và quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và

Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; UBND các huyện và thành phố Bắc Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: ↓

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TNMT;
- + Lưu: VT. XD. Linh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thanh Sơn

PHỤ LỤC



Quy hoạch quy hoạch hệ thống nghĩa trang tập trung tỉnh Bắc Giang đến năm 2030
(Quy định số 198/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang Bắc Giang)

TT	Tên nghĩa trang	Diện tích quy hoạch (ha)			Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2025	2026-2030			
1	NGHĨA TRANG CẤP I	10	18	25	220		
1.1	Công viên nghĩa trang tại xã Cường Sơn, Nghĩa Phương, H. Lục Nam	5	10	15	120	Xây dựng mới, Chôn hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng	2018-2019
1.2	NTND Tiên Thắng tại khu vực hồ Cầu Rể (thôn Tiên Trung, Hồ Luồng, xã Tiên Thắng) huyện Yên Thế	5	8	10	100	Xây dựng mới, Chôn cát táng, sau hỏa táng, hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2019
2	NGHĨA TRANG CẤP II	5	8	10	60		
2.1	NTND Hương Sơn, tại thôn Khuôn Giản, Hồ Cao, H. Lạng Giang	5	8	10	60	Xây dựng mới, Chôn 1 lần, chôn sau hỏa táng, hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời.	2018-2019
3	NGHĨA TRANG CẤP III	2,8	6,2	9,3	40		
3.1.1	NTND TT. Chú tại xã Quý Sơn, H. Lục Ngạn	0,8	1,2	1,3	25,0	Xây dựng mới; tiếp nhận mộ cát táng + sau hỏa táng	2018- 2019
3.1.2	NTND xã Tân Tiến, TP. Bắc Giang	2	5	8	15	Xây dựng mới; Chôn cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2018-2019
4	NGHĨA TRANG CẤP IV	11,9	20,0	23,5	104,7		
4.1	Thành phố Bắc Giang	1,5	2	1,6	7		
4.1.1	NTND tại Cung Nhượng, Phường Thọ Xương	0,5	0,8	0,5	2	Cải tạo mở rộng, chôn cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2018-2020
4.1.2	NTND tại phường Đa Mai	0,5	0,6	0,7	3	Cải tạo mở rộng, chôn cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2018-2020
4.1.3	NTND xã Song Khê	0,5	0,6	0,4	2	Cải tạo mở rộng, chôn cát táng, sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2020
4.2	Huyện Việt Yên	1,5	1,3	1,9	7,2		
4.2.1	NTND đô thị Bích Động mở rộng (thôn Đông thị trấn Bích Động)	1,2	0,7	1,45	3,3	- Mở rộng hiện trạng, Chôn hung táng, cát táng, sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2020
4.2.2	NTND thôn Ninh Khánh, TT. Nénh	0,15	0,3	0,2	1,68	- Mở rộng hiện trạng, Chôn hung táng, cát táng, sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2020
4.2.3	NTND thôn Sen Hồ (tại xứ Đồng Trâm); TT. Nénh	0,15	0,3	0,2	2,2	- Mở rộng hiện trạng, Chôn hung táng, cát táng, sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2020
4.3	Huyện Hiệp Hòa	0,9	1,7	2	13		
4.3.1	NTND Ngọc Sơn; phía Đông TT. Thắng (xã Ngọc Sơn)	0,3	0,5	0,5	2,5	Xây dựng mới/ Cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2017-2018
4.3.2	NTND Châu Minh; phía Nam TT. Thắng (tại xã Châu Minh)	0,2	0,4	0,5	3,5	- Mở rộng NTND hiện có/ Chôn cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2019-2020
4.3.3	NTND Quang Minh; phía Tây TT. Thắng (thôn Tân Lập, xã Quang Minh)	0,2	0,4	0,5	1,5	Mở rộng NTND hiện có / Chôn cát táng, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời/ sau năm 2030	2019-2020
4.3.4	NTND Hoàng Vân; phía Bắc TT. Thắng (xã Hoàng Vân)	0,2	0,4	0,5	5,5	Mở rộng NTND hiện có / Chôn cát táng, sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2019-2020

TT	Tên nghĩa trang	Diện tích quy hoạch (ha)			Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2025	2026-2030			
4.4	Huyện Yên Dũng	2	4	5	8,0		
4.4.1	NTND thôn Đông Hương, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	2	4	5	8,0	Xây dựng mới, Chôn 1 lần, hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng, hỏa táng.	2019-2020
4.5	Huyện Lạng Giang	1,5	3,0	3,2	8,5		
4.5.1	NTND Bờ Đầm, TT. Vүй	1	2,5	2	2	Mở rộng NTND hiện có/ Chôn cát táng, chôn 1 lần, sau hỏa táng	2019-2020
4.5.2	NTND TT. Kép, khu Cầu Đá, xã Hương Sơn	0,5	0,5	1,2	6,5	Mở rộng NTND hiện có/ Chôn cát táng, chôn 1 lần, sau hỏa táng và tiếp nhận mộ di dời	2019-2020
4.6	Huyện Tân Yên	0,63	0,95	1,15	9,6		
4.6.1	NTND Trần Sơn, thôn Trần Sơn, xã Liên Sơn	0,3	0,5	0,5	4,7	Xây dựng mới - Chôn có cải táng, cát táng + sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2018-2019
4.6.2	NTND Đồi Cảnh Sung	0,2	0,3	0,4	2,9	Mở rộng hiện trạng 0,42 ha- Cát táng + sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2016-2017
4.6.3	NTND Đồi Mạ	0,13	0,15	0,25	2	Mở rộng 0,55 ha hiện trạng - Chôn hung táng; Cát táng, chôn sau hỏa táng.	2018-2019
4.7	Huyện Yên Thế	0,65	0,9	1,05	12,9		
4.7.1	NTND TT. Cầu Gồ, khu Đồng Ngòi; TT Cầu Gồ	0,2	0,35	0,45	6,0	Mở rộng hiện trạng, Chôn hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2018-2019
4.7.2	NTND TT. Bó Hạ, Bản Thái Hà, xã Đồng Hưu	0,3	0,3	0,35	2,7	Xây dựng mới, Chôn hung táng, cát táng, sau hỏa táng, tiếp nhận mộ di dời	2019-2020
4.7.3	NTND xã Tam Tiến, tại Rừng Dài	0,15	0,25	0,25	4,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần; Cát táng + sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2018-2019
4.8	Huyện Lục Nam	0,47	1	1,19	7,5		
4.8.1	NTND TT. Đồi Ngõ tại khu Cây Cao	0,3	0,6	0,7	2,5	Mở rộng nghĩa trang hiện trạng, tiếp nhận mộ hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng.	2019
4.8.2	NTND TT. Lục Nam, tại khu Bãi Chùa Vát	0,08	0,21	0,24	2,0	Cải tạo mở rộng NTND hiện trạng/ tiếp nhận mộ hung táng + cát táng, chôn sau hỏa táng.	2018
4.8.3	NTND TT. Phương Sơn tại Làng Sần	0,09	0,19	0,25	3,0	Đã đầu tư năm 2016/ tiếp nhận mộ hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng.	2020
4.9	Huyện Lục Ngạn	0,3	0,5	0,55	10,7		
4.9.1	NTND Biển Động tại thôn Thùng Thịnh	0,2	0,3	0,4	2,7	Mở rộng nghĩa trang hiện hữu, tiếp nhận mộ hung táng, cát táng, chôn sau hỏa táng.	2020
4.9.2	NTND Tân Sơn tại khu Góc Toàn, H. Lục Ngạn	0,1	0,2	0,15	8,0	Xây dựng mới, tiếp nhận mộ hung táng, chôn cát táng, chôn sau hỏa táng.	2020
4.10	Huyện Sơn Động	0,4	0,6	0,9	12,32		
4.10.1	NTND TT. An Châu, thôn Cại, xã An Lập	0,15	0,2	0,35	3,5	Mở rộng hiện trạng sang thôn Cại, xã An Lập, Chôn 1 lần, hung táng, cát táng + sau hỏa táng, nhận mộ di dời	2019-2020
4.10.2	NTND Long Sơn tại thôn Tấu	0,1	0,2	0,3	2,3	Cải tạo, mở rộng/ Chôn 1 lần + hung táng và cát táng và sau hỏa táng	2020
4.10.3	NTND TT. Thanh Sơn tại thôn Đồng Thanh	0,15	0,2	0,25	6,5	Cải tạo, mở rộng/ Chôn 1 lần, hung táng, cát táng, sau hỏa táng	2018-2019
Tổng		29,7	52,2	67,8	424,7		